



DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NĂM 2016

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Kèm theo Quyết định số 182/QĐ-CDYT Ngày 13-08-2016

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Trần Hồng Ân	03/05/94	Nữ	53.01		53	000.00205	4.50	6.00					10.50	10.50	5.25	01	2	15 PT
5304 00000	Dương Thị Thùy Dung	24/09/98	Nữ	53.02		53	000.00130	3.25	4.20					7.45	7.45	3.72	01	2	16 PT
5304 00000	Đình Thanh Hải	08/04/93		53.05		53	000.00144	8.00	9.00					17.00	17.00	8.50	01	2NT	12 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	29/08/98	Nữ	53.09		53	000.00204	1.50	3.40					4.90	4.90	2.45	01	2	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thanh Huy	02/03/91		53.01		53	000.00034	8.00	5.50					13.50	13.50	6.75	01	2	09 PT
5304 00000	Võ Hoàng Yến Nhi	10/03/96	Nữ	53.01		53	000.00102	2.00	4.00					6.00	6.00	3.00	01	2	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Huỳnh Như	13/01/96	Nữ	56.09		53	000.00068	2.00	4.25					6.25	6.25	3.12	01	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Quỳnh Như	11/01/98	Nữ	53.08		53	000.00112	2.50	4.80					7.30	7.30	3.65	01	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Hồng Phấn	24/02/97	Nữ	56.07		53	000.00143	3.75	4.80					8.55	8.55	4.27	01	2NT	16 PT
5304 00000	Phạm Như Phương	30/12/98	Nữ	53.05		53	000.00173	5.50	5.00					10.50	10.50	5.25	01	2NT	16 PT
5304 00000	Đào Thị Thanh Tâm	03/06/98	Nữ	53.09		53	000.00114	2.25	3.20					5.45	5.45	2.72	01	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Nhựt Tân	07/10/94		53.01		53	000.00206	1.50	3.75					5.25	5.25	2.62	01	2	15 PT
5304 00000	Lê Thị Lam Thanh	26/01/98	Nữ	56.06		53	000.00103	3.00	3.20					6.20	6.20	3.10	01	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Phương Thanh	08/03/95		56.06		53	000.00193	9.50	7.50					17.00	17.00	8.50	01	2NT	13 PT
5304 00000	Đặng Thị Phương Thảo	15/03/97	Nữ	53.11		53	000.00197	7.50	7.90					15.40	15.40	7.70	01	2	15 PT
5304 00000	Trương Thanh Thi	18/08/98	Nữ	53.01		53	000.00096	2.25	4.60					6.85	6.85	3.42	01	2	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thanh Trúc	21/01/98	Nữ	50.07		53	000.00081	3.25	6.00					9.25	9.25	4.62	01	2NT	16 PT

Tổng ngành 01 : 17 thí sinh

HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 03 Dược sĩ trung cấp

Kèm theo Quyết định số 182 /QĐ-CDYT Ngày 13-08-2016

Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Nguyễn Thị Kim	Anh	09/08/98	Nữ	53.06		53	000.00200	4.25	2.80					7.05	7.05	3.52	03	2NT	16 PT
5304 00000	Hồ Thị Thúy	An	17/01/98	Nữ	53.06		53	000.00147	2.75	5.00					7.75	7.75	3.87	03	2NT	16 PT
5304 00000	Lê Bình	An	08/06/95	Nữ	56.07		53	000.00083	8.00	6.50					14.50	14.50	7.25	03	2NT	13 PT
5304 00000	Dương Công	Bình	09/08/97		53.06		53	000.00169	3.50	4.80					8.30	8.30	4.15	03	2NT	16 PT
5304 00000	Bùi Thị Minh	Châu	19/01/98	Nữ	53.05		53	000.00123	3.25	5.80					9.05	9.05	4.52	03	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thu	Chi	14/11/93	Nữ	53.01		53	000.00192	6.00	7.00					13.00	13.00	6.50	03	2NT	11 PT
5304 00000	Nguyễn Hữu	Chí	02/04/98		53.06		53	000.00082	4.00	6.70					10.70	10.70	5.35	03	2NT	16 PT
5304 00000	Phạm Thành	Chương	12/02/98		56.02		53	000.00092	5.75	4.00					9.75	9.75	4.87	03	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị	Cúc	30/05/91	Nữ	53.04		53	000.00047	10.0	9.00					19.00	19.00	9.50	03	2NT	09 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	14/08/97	Nữ	53.08		53	000.00104	3.25	5.00					8.25	8.25	4.12	03	2NT	15 PT
5304 00000	Đoàn Thị Hồng	Dung	07/07/90	Nữ	53.01		53	000.00042	5.50	4.50					10.00	10.00	5.00	03	2	08 PT
5304 00000	Mai Thùy	Dung	17/03/97	Nữ	53.09		53	000.00108	5.50	4.50					10.00	10.00	5.00	03	2NT	15 PT
5304 00000	Phạm Thị ánh	Duyên	21/08/92	Nữ	53.10		53	000.00050	8.00	8.50					16.50	16.50	8.25	03	2	10 PT
5304 00000	Huỳnh Thị Cẩm	Dương	14/06/98	Nữ	53.03		53	000.00148	1.25	3.20					4.45	4.45	2.22	03	2NT	16 PT
5304 00000	Võ Thị Hồng	Đào	07/12/97	Nữ	02.08		53	000.00080	4.25	3.50					7.75	7.75	3.87	03	2	15 PT
5304 00000	Lê Hải	Đặng	14/04/93		53.08		53	000.00191	9.00	8.00					17.00	17.00	8.50	03	2NT	11 PT
5304 00000	Lê Thị	Hảo	10/10/98	Nữ	53.04		53	000.00090	1.50	3.20					4.70	4.70	2.35	03	2	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	13/03/98	Nữ	49.05		53	000.00152	3.50	3.40					6.90	6.90	3.45	03	2NT	16 PT
5304 00000	Phạm Thị Ngọc	Hân	15/04/95	Nữ	53.06		53	000.00026	7.00	4.50					11.50	11.50	5.75	03	2NT	14 PT
5304 00000	Trần Lê Bảo	Hân	25/10/98	Nữ	53.06		53	000.00119	4.50	6.30					10.80	10.80	5.40	03	2NT	16 PT
5304 00000	Lê Thị Thái	Hằng	24/03/97	Nữ	53.01		53	000.00085	1.75	3.60					5.35	5.35	2.67	03	2	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Kim	Huyền	29/09/97	Nữ	53.10		53	000.00129	3.75	4.75					8.50	8.50	4.25	03	2NT	15 PT
5304 00000	Đỗ Ngọc Diễm	Huỳnh	17/06/98	Nữ	53.06		53	000.00178	2.25	5.20					7.45	7.45	3.72	03	2NT	16 PT
5304 00000	Hà Hào	Hùng	05/01/98		53.04		53	000.00122	4.00	5.00					9.00	9.00	4.50	03	2NT	16 PT
5304 00000	Phan Quỳnh	Hương	25/05/98	Nữ	53.01		53	000.00181	3.75	4.60					8.35	8.35	4.17	03	2	16 PT
5304 00000	Hà Lê Đăng	Khoa	07/03/95		53.05		53	000.00061	7.50	5.50					13.00	13.00	6.50	03	2NT	13 PT



HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 03 Dược sĩ trung cấp

Kèm theo Quyết định số 182 /QĐ-CDYT Ngày 13-08-2016

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Nguyễn Thị Lan	18/07/96	Nữ	53.03		53	000.00023	5.50	8.00					13.50	13.50	6.75	03	2NT	14 PT
5304 00000	Trương Thị Cẩm	30/05/96	Nữ	53.01		53	000.00056	8.00	5.50					13.50	13.50	6.75	03	2	14 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Kim	13/02/91	Nữ	53.03	06	53	000.00075	4.50	7.50					12.00	12.00	6.00	03	2NT	10 PT
5304 00000	Trần Văn Liêm	27/07/97		53.05		53	000.00121	3.75	3.50					7.25	7.25	3.62	03	2NT	15 PT
5304 00000	Trương Thị Ngọc	05/07/92	Nữ	53.10		53	000.00035	6.00	9.50					15.50	15.50	7.75	03	2NT	10 PT
5304 00000	Đoàn Thị Ngọc	11/02/95	Nữ	53.06		53	000.00041	7.00	9.50					16.50	16.50	8.25	03	2NT	13 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thùy	09/02/98	Nữ	53.04		53	000.00202	4.00	6.40					10.40	10.40	5.20	03	2NT	16 PT
5304 00000	Huỳnh Bửu Lộc	20/09/68		53.01		53	000.00008	7.00	8.00					15.00	15.00	7.50	03	2	85 PT
5304 00000	Nguyễn Đặng Thanh Thảo	15/11/94	Nữ	53.06		53	000.00019	9.00	8.00					17.00	17.00	8.50	03	2NT	12 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Trúc	02/04/98	Nữ	53.11		53	000.00140	2.50	5.20					7.70	7.70	3.85	03	2	16 PT
5304 00000	Hứa Thị Phương	24/12/95	Nữ	53.01		53	000.00189	4.50	4.00					8.50	8.50	4.25	03	2	14 PT
5304 00000	Hồ Thị Mãi	12/04/85	Nữ	53.06		53	000.00207	4.00	0.50					4.50	4.50	2.25	03	2NT	03 PT
5304 00000	Tiêu Ngọc	20/04/87	Nữ	53.01		53	000.00018	6.50	7.00					13.50	13.50	6.75	03	2	05 PT
5304 00000	Trần Thị Ngọc	11/04/97	Nữ	53.06		53	000.00043	1.50	6.25					7.75	7.75	3.87	03	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Kiều	25/06/98	Nữ	53.09		53	000.00168	3.50	3.20					6.70	6.70	3.35	03	2NT	16 PT
5304 00000	Lê Thị Mỹ	02/05/91	Nữ	53.07		53	000.00009	9.00	8.00					17.00	17.00	8.50	03	2	09 PT
5304 00000	Trần Thị Tuyết	30/07/97	Nữ	53.04		53	000.00127	1.75	4.40					6.15	6.15	3.07	03	2NT	16 PT
5304 00000	Đoàn Thị Hồng	20/04/98	Nữ	53.08		53	000.00156	2.50	4.40					6.90	6.90	3.45	03	2NT	16 PT
5304 00000	Phạm Thị Hồng	11/02/92	Nữ	53.09		53	000.00014	9.50	8.50					18.00	18.00	9.00	03	2NT	10 PT
5304 00000	Phạm Thị Ngọc	29/07/95	Nữ	53.05		53	000.00084	6.00	5.50					11.50	11.50	5.75	03	2NT	13 PT
5304 00000	Trịnh Minh	07/10/95		53.05		53	000.00171	7.50	9.00					16.50	16.50	8.25	03	2NT	13 PT
5304 00000	Đặng Thị Yến	27/03/98	Nữ	53.04		53	000.00188	1.25	6.70					7.95	7.95	3.97	03	2	16 PT
5304 00000	Huỳnh Thị Thúy	29/06/98	Nữ	53.03		53	000.00150	2.75	4.80					7.55	7.55	3.77	03	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Cẩm	11/12/98	Nữ	53.06		53	000.00120	4.25	6.60					10.85	10.85	5.42	03	2NT	16 PT
5304 00000	Đỗ Hạnh Huỳnh	31/10/98	Nữ	53.01		53	000.00087	4.25	4.60					8.85	8.85	4.42	03	2	16 PT
5304 00000	Trần Thị Tuyết	25/10/97	Nữ	56.09		53	000.00133	6.50	7.00					13.50	13.50	6.75	03	2NT	15 PT

HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 03 Dược sĩ trung cấp

Kèm theo Quyết định số 182 /QĐ-CĐYT Ngày 13-08-2016

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Võ Thị Hồng Nhung	05/05/95	Nữ	56.06		53	000.00137	9.00	7.00					16.00	16.00	8.00	03	1	13 PT
5304 00000	Huỳnh Thị Huỳnh Như	25/04/98	Nữ	53.08		53	000.00134	1.50	3.40					4.90	4.90	2.45	03	2	16 PT
5304 00000	Nguyễn Minh Nhựt	31/10/95		53.05		53	000.00089	4.00	1.75					5.75	5.75	2.87	03	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Kiều Oanh	13/04/98	Nữ	53.01		53	000.00115	3.25	4.80					8.05	8.05	4.02	03	2	16 PT
5304 00000	Phạm Tấn Phát	28/07/97		53.01		53	000.00172	3.75	5.50					9.25	9.25	4.62	03	2	15 PT
5304 00000	Lê Gia Phong	22/11/97		57.06		53	000.00155	5.25	6.50					11.75	11.75	5.87	03	2	15 PT
5304 00000	Cao Yến Phương	01/09/95	Nữ	53.05		53	000.00005	9.00	6.50					15.50	15.50	7.75	03	2NT	13 PT
5304 00000	Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương	17/09/98	Nữ	53.06		53	000.00125	3.25	5.20					8.45	8.45	4.22	03	2	16 PT
5304 00000	Đặng Thị Ngọc Quyên	01/05/98	Nữ	53.04		53	000.00141	2.00	3.80					5.80	5.80	2.90	03	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thảo Quyên	22/06/97	Nữ	53.01		53	000.00201	8.10	6.70					14.80	14.80	7.40	03	2	15 PT
5304 00000	Đặng Thị Như Quỳnh	15/04/96	Nữ	49.04		53	000.00062	3.00	4.00					7.00	7.00	3.50	03	2NT	14 PT
5304 00000	Đào Như Quỳnh	11/01/97	Nữ	53.02		53	000.00132	3.75	3.60					7.35	7.35	3.67	03	2	16 PT
5304 00000	Huỳnh Minh Tâm	30/01/93		53.06		53	000.00069	7.00	9.50					16.50	16.50	8.25	03	2NT	12 PT
5304 00000	Nguyễn Vũ Tâm	20/03/98		56.06		53	000.00124	5.25	6.30					11.55	11.55	5.77	03	2NT	16 PT
5304 00000	Trần Thị Minh Tâm	31/07/98	Nữ	53.08		53	000.00113	3.50	4.60					8.10	8.10	4.05	03	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Tép	11/01/91	Nữ	50.07		53	000.00003	4.50	6.50					11.00	11.00	5.50	03	2NT	09 PT
5304 00000	Bạch Thị Thu Thảo	24/05/97	Nữ	53.03		53	000.00028	4.25	4.50					8.75	8.75	4.37	03	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Hồng Thảo	15/06/88	Nữ	53.07		53	000.00002	6.50	5.00					11.50	11.50	5.75	03	2NT	06 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thu Thảo	08/01/97	Nữ	53.07		53	000.00020	5.00	6.50					11.50	11.50	5.75	03	2	15 PT
5304 00000	Hồ Thị Hồng Thắm	13/08/96	Nữ	53.03		53	000.00100	3.00	7.00					10.00	10.00	5.00	03	2NT	14 PT
5304 00000	Nguyễn Đức Thiện	20/05/95		56.02		53	000.00044	8.50	7.50					16.00	16.00	8.00	03	2NT	13 PT
5304 00000	Trần Thị Kim Thoa	04/04/96	Nữ	56.05		53	000.00162	6.00	5.50					11.50	11.50	5.75	03	2NT	14 PT
5304 00000	Tạ Thị Hồng Thu	25/10/96	Nữ	53.05		53	000.00066	5.00	4.00					9.00	9.00	4.50	03	2NT	14 PT
5304 00000	Bùi Thị Ngọc Thúy	17/11/97	Nữ	53.01		53	000.00032	10.0	9.50					19.50	19.50	9.75	03	2	15 PT
5304 00000	Mai Thị Thanh Thúy	23/12/98	Nữ	53.01		53	000.00093	3.50	3.60					7.10	7.10	3.55	03	2NT	16 PT
5304 00000	Mai Hồng Thủy	08/12/90	Nữ	53.03		53	000.00031	5.50	7.50					13.00	13.00	6.50	03	2NT	08 PT

HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 03 Dược sĩ trung cấp

Kèm theo Quyết định số 182/QĐ-CĐYT Ngày 13-08-2016

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Trần Anh Thy	22/11/97	Nữ	53.01		53	000.00059	2.25	6.70					8.95	8.95	4.47	03	2	15 PT
5304 00000	Lưu Thị Hồng Tiên	28/10/95	Nữ	53.01		53	000.00016	8.00	5.50					13.50	13.50	6.75	03	2	13 PT
5304 00000	Trần Thị Thùy Trang	27/03/97	Nữ	53.05		53	000.00099	3.50	3.80					7.30	7.30	3.65	03	2	16 PT
5304 00000	Huỳnh Huyền Trân	18/10/96	Nữ	53.04		53	000.00064	3.00	4.00					7.00	7.00	3.50	03	2	14 PT
5304 00000	Trần Huyền Trân	11/08/98	Nữ	49.04		53	000.00185	3.50	7.50					11.00	11.00	5.50	03	2NT	16 PT
5304 00000	Bùi Thị Thanh Trúc	11/05/98	Nữ	53.08		53	000.00199	5.25	3.40					8.65	8.65	4.32	03	2NT	16 PT
5304 00000	Phạm Minh Trường	28/08/97		53.08		53	000.00111	3.25	3.80					7.05	7.05	3.52	03	2	16 PT
5304 00000	Nguyễn Đặng Anh Tuấn	14/03/95		53.07		53	000.00071	9.50	7.50					17.00	17.00	8.50	03	2	13 PT
5304 00000	Là Thị Thanh Tuyền	01/02/94	Nữ	56.05		53	000.00187	3.00	4.00					7.00	7.00	3.50	03	2NT	14 PT
5304 00000	Nguyễn Hoàn Tú	18/07/96		53.01		53	000.00038	8.50	9.50					18.00	18.00	9.00	03	2	14 PT
5304 00000	Hà Văn Xuyên	05/05/88		53.05		53	000.00077	5.00	2.50					7.50	7.50	3.75	03	2	06 PT
5304 00000	Tống Vi Hải Yến	09/03/96	Nữ	53.05		53	000.00053	7.50	9.00					16.50	16.50	8.25	03	2NT	14 PT

Cộng ngành 03 : 90 thí sinh

VIỆN C.

HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 04 Y sĩ

Kèm theo Quyết định số 182/QĐ-CĐYT Ngày 13-08-2016

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Quảng Thị Tiểu Băng	17/10/98	Nữ	56.09		53	000.00170	5.25	4.60					9.85	9.85	4.92	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Trần Kim Cương	12/09/98	Nữ	52.01		53	000.00180	5.25	5.20					10.45	10.45	5.22	04	2	16 PT
5304 00000	Dương Thùy Dung	05/11/98	Nữ	53.09		53	000.00165	5.00	5.60					10.60	10.60	5.30	04	2NT	16 PT
5304 00000	Lê Trang Phương Dung	14/03/97	Nữ	56.04		53	000.00157	2.50	6.80					9.30	9.30	4.65	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thanh Duy	11/03/98		53.05		53	000.00135	6.00	5.40					11.40	11.40	5.70	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Hồng Dương	23/06/91		53.01		53	000.00030	8.50	8.00					16.50	16.50	8.25	04	2	09 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Kim Đan	20/11/98	Nữ	53.03		53	000.00175	3.75	6.00					9.75	9.75	4.87	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Long Đức	20/01/84		53.05		53	000.00046	3.50	6.00					9.50	9.50	4.75	04	2NT	02 PT
5304 00000	Nguyễn Quang Huy	08/12/98		53.06		53	000.00154	1.75	4.20					5.95	5.95	2.97	04	2NT	16 PT
5304 00000	Dương Thị Kiều Hương	03/03/91	Nữ	53.06		53	000.00011	9.00	6.50					15.50	15.50	7.75	04	2NT	09 PT
5304 00000	Huỳnh Thị Quỳnh Hương	22/08/98	Nữ	53.04		53	000.00101	6.75	5.80					12.55	12.55	6.27	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn An Khang	30/04/97		53.08		53	000.00107	3.00	3.80					6.80	6.80	3.40	04	2NT	16 PT
5304 00000	Đoàn Thị Trúc Linh	15/01/97	Nữ	53.06		53	000.00161	6.25	6.50					12.75	12.75	6.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/06/98	Nữ	53.06		53	000.00128	2.00	5.00					7.00	7.00	3.50	04	2	16 PT
5304 00000	Nguyễn Văn Chí Linh	06/06/95		49.04		53	000.00160	8.50	6.00					14.50	14.50	7.25	04	2NT	13 PT
5304 00000	Huỳnh Thị Thanh Mai	26/02/97	Nữ	53.01		53	000.00142	2.25	4.40					6.65	6.65	3.32	04	2	16 PT
5304 00000	Bồ Thị Kiều Mi	10/02/98	Nữ	56.06		53	000.00139	4.50	5.80					10.30	10.30	5.15	04	2NT	16 PT
5304 00000	Huỳnh Văn Nhựt Minh	11/06/98		53.11		53	000.00145	4.00	4.60					8.60	8.60	4.30	04	2NT	16 PT
5304 00000	Phạm Thị Tiểu Muội	02/03/98	Nữ	53.03		53	000.00146	3.00	3.40					6.40	6.40	3.20	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Trà My	13/07/98	Nữ	49.10		53	000.00138	6.00	6.40					12.40	12.40	6.20	04	2NT	16 PT
5304 00000	Bùi Quang Nam	28/03/91		28.26		53	000.00004	7.00	6.50					13.50	13.50	6.75	04	2NT	09 PT
5304 00000	Lý Kim Ngân	26/10/98	Nữ	53.05		53	000.00174	7.00	4.00					11.00	11.00	5.50	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thanh Nhân	18/10/92	Nữ	53.01		53	000.00001	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	04	2	10 PT
5304 00000	Nguyễn Đức Nhân	08/10/98		53.01		53	000.00088	1.25	4.60					5.85	5.85	2.92	04	2	16 PT
5304 00000	Nguyễn Văn Nhân	10/10/98		53.11		53	000.00110	2.25	3.20					5.45	5.45	2.72	04	2	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Yến Nhi	17/06/98	Nữ	53.04		53	000.00164	5.25	5.40					10.65	10.65	5.32	04	2	16 PT



HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 04 Y sĩ

Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-CDYT Ngày 13-08-2016

Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Phạm Thị Yến	Nhi	20/07/98	Nữ	56.04		53	000.00190	6.25	4.40					10.65	10.65	5.32	04	2NT	16 PT
5304 00000	Mai Trần ái	Nhuyên	27/05/98	Nữ	53.04		53	000.00163	5.00	5.20					10.20	10.20	5.10	04	2NT	16 PT
5304 00000	Huỳnh Hải	Như	07/02/98	Nữ	53.09		53	000.00116	1.75	4.80					6.55	6.55	3.27	04	2NT	16 PT
5304 00000	Đặng Thị Yến	Oanh	22/04/98	Nữ	56.06		53	000.00109	4.50	4.60					9.10	9.10	4.55	04	2NT	16 PT
5304 00000	Huỳnh Tấn	Phát	09/05/96		53.09		53	000.00105	8.00	7.00					15.00	15.00	7.50	04	2NT	14 PT
5304 00000	Hồ Vĩnh	Phát	20/11/98		53.04		53	000.00208	6.50	6.00					12.50	12.50	6.25	04	2NT	16 PT
5304 00000	Mạc Thế	Phong	29/05/98		56.07		53	000.00095	6.50	5.80					12.30	12.30	6.15	04	2NT	16 PT
5304 00000	Hồ Thị Ngân	Phương	15/09/98	Nữ	53.07		53	000.00186	1.75	4.20					5.95	5.95	2.97	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Trường	Phước	20/11/98		53.04		53	000.00117	4.50	4.80					9.30	9.30	4.65	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Hồng	Son	25/06/98		56.07		53	000.00131	4.50	6.10					10.60	10.60	5.30	04	2	16 PT
5304 00000	Lê Thị Thanh	Tâm	24/03/98	Nữ	53.03		53	000.00151	5.75	6.00					11.75	11.75	5.87	04	2NT	16 PT
5304 00000	Mai Châu	Tân	02/06/96		53.08		53	000.00029	8.50	8.00					16.50	16.50	8.25	04	2NT	14 PT
5304 00000	Nguyễn Võ Mẫn	Thạch	10/02/97		56.06		53	000.00118	4.50	5.80					10.30	10.30	5.15	04	2NT	16 PT
5304 00000	Đoàn Công	Thắng	12/07/97		53.06		53	000.00054	4.50	7.60					12.10	12.10	6.05	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Quang	Thịnh	19/07/98		53.06		53	000.00106	2.75	4.80					7.55	7.55	3.77	04	2NT	16 PT
5304 00000	Lê Thị Kim	Thoa	07/12/98	Nữ	53.06		53	000.00091	4.00	3.60					7.60	7.60	3.80	04	2NT	16 PT
5304 00000	Trương Đức	Thuận	08/09/85		53.01		53	000.00058	4.00	4.00					8.00	8.00	4.00	04	2	03 PT
5304 00000	Võ Thị Cẩm	Thu	24/07/97	Nữ	53.03		53	000.00027	5.50	6.50					12.00	12.00	6.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Thị Minh	Thư	29/03/98	Nữ	53.03		53	000.00126	4.00	4.20					8.20	8.20	4.10	04	2	16 PT
5304 00000	Đặng Ngọc Cẩm	Tiên	19/03/98	Nữ	53.06		53	000.00177	2.00	2.40					4.40	4.40	2.20	04	2NT	16 PT
5304 00000	Lưu Cẩm	Tiên	19/01/98	Nữ	53.04		53	000.00098	5.75	4.60					10.35	10.35	5.17	04	2NT	16 PT
5304 00000	Trần Thị Thùy	Trang	24/03/98	Nữ	53.04		53	000.00159	5.50	4.40					9.90	9.90	4.95	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thanh	Trà	04/08/97	Nữ	53.09		53	000.00012	4.25	5.00					9.25	9.25	4.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trịnh Thị Ngọc	Trâm	04/03/98	Nữ	53.05		53	000.00149	7.50	6.00					13.50	13.50	6.75	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	25/02/95	Nữ	53.01		53	000.00040	4.50	6.00					10.50	10.50	5.25	04	2	13 PT
5304 00000	Đỗ Chung Bình	Trọng	01/06/98		53.04		53	000.00166	6.25	5.40					11.65	11.65	5.82	04	2NT	16 PT



 TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 04 Y sĩ

Kèm theo Quyết định số 182 /QĐ-CDYT Ngày 13-08-2016

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Võ Quốc Trung	27/05/98		53.07		53	000.00136	6.25	4.00					10.25	10.25	5.12	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Cẩm Trúc	06/02/98	Nữ	56.03		53	000.00094	2.50	4.60					7.10	7.10	3.55	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Phương Trúc	19/02/98	Nữ	53.03		53	000.00167	4.00	4.20					8.20	8.20	4.10	04	2NT	16 PT
5304 00000	Nguyễn Lâm Trường	12/06/90		53.02		53	000.00024	8.00	9.50					17.50	17.50	8.75	04	2	10 PT
5304 00000	Trần Thị ánh Tuyết	29/11/92	Nữ	53.01		53	000.00025	7.00	9.50					16.50	16.50	8.25	04	2NT	10 PT

Cộng ngành 04 : 57 thí sinh

HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 05 Dược sĩ trung cấp CQ ngoài giờ

Kèm theo Quyết định số 182/QĐ-CDYT Ngày 13-08-2016

Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Âu Văn Hùng	Anh	00/00/91		53.04		53	000.00060	7.50	8.00					15.50	15.50	7.75	05	2	09 PT
5304 00000	Nguyễn Văn	Biên	26/10/85		53.04		53	000.00036	8.00	9.00					17.00	17.00	8.50	05	2	03 PT
5304 00000	Lê Hồng	Cận	19/06/92		53.05		53	000.00022	10.0	9.50					19.50	19.50	9.75	05	2NT	10 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Hồng	Châu	20/04/89	Nữ	49.09		53	000.00017	8.00	5.50					13.50	13.50	6.75	05	2NT	07 PT
5304 00000	Phan Thị Lan	Chi	02/01/91	Nữ	53.04		53	000.00055	8.00	7.50					15.50	15.50	7.75	05	2	09 PT
5304 00000	Trần Thị Thúy	Diễm	00/00/83	Nữ	53.01		53	000.00070	6.00	6.50					12.50	12.50	6.25	05	2	01 PT
5304 00000	Đặng Hoàng	Dũng	19/01/89		02.13		53	000.00198	5.00	5.00					10.00	10.00	5.00	05	2	07 PT
5304 00000	Trần Ngọc Thùy	Dương	07/10/94	Nữ	53.01		53	000.00052	8.00	8.50					16.50	16.50	8.25	05	2	12 PT
5304 00000	Trần Hải	Dương	07/01/94		53.01		53	000.00176	7.50	5.50					13.00	13.00	6.50	05	2	12 PT
5304 00000	Lê Thị Quý	Hạnh	13/07/81	Nữ	53.05		53	000.00182	7.00	8.50					15.50	15.50	7.75	05	2	04 PT
5304 00000	Hoàng Thị Ngọc	Hân	08/01/90	Nữ	53.04		53	000.00203	8.50	8.00					16.50	16.50	8.25	05	2NT	08 PT
5304 00000	Võ Văn	Hiệp	09/07/79		53.06		53	000.00079	5.50	10.0					15.50	15.50	7.75	05	2NT	03 PT
5304 00000	Phạm Thị	Hoàng	17/09/91	Nữ	50.07		53	000.00045	2.50	7.00					9.50	9.50	4.75	05	2NT	09 PT
5304 00000	Trần Thị	Hồng	00/00/70	Nữ	53.07		53	000.00007	8.00	9.00					17.00	17.00	8.50	05	2NT	89 PT
5304 00000	Nguyễn Nhật	Khánh	30/10/93		53.01		53	000.00051	6.00	7.00					13.00	13.00	6.50	05	2	13 PT
5304 00000	Trần Quang	Khôi	09/04/84		56.09		53	000.00010	7.50	9.50					17.00	17.00	8.50	05	2NT	02 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Kim	Liên	11/06/91	Nữ	33.04		53	000.00021	7.50	6.50					14.00	14.00	7.00	05	2	09 PT
5304 00000	Đặng Võ Huỳnh	Mai	08/07/91	Nữ	53.05		53	000.00015	10.0	8.00					18.00	18.00	9.00	05	2NT	09 PT
5304 00000	Nguyễn Hoàng Lê Trang	Nhã	30/09/81	Nữ	53.06		53	000.00078	4.00	7.00					11.00	11.00	5.50	05	2NT	99 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/09/94	Nữ	53.01		53	000.00184	6.50	5.50					12.00	12.00	6.00	05	2	13 PT
5304 00000	Bùi Thị Kim	Oanh	06/10/66	Nữ	53.01		53	000.00086	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	05	2NT	83 PT
5304 00000	Bùi Thị Yến	Oanh	08/03/88	Nữ	53.01		53	000.00196	5.00	7.50					12.50	12.50	6.25	05	2NT	06 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Kim	Phụng	23/05/82	Nữ	53.07		53	000.00006	4.50	7.00					11.50	11.50	5.75	05	2	00 PT
5304 00000	Lê Thị	Phượng	26/04/76	Nữ	53.05		53	000.00076	5.00	5.00					10.00	10.00	5.00	05	2NT	94 PT
5304 00000	Nguyễn Thị	Sáu	10/04/89	Nữ	53.05		53	000.00048	5.00	6.00					11.00	11.00	5.50	05	2NT	07 PT
5304 00000	Đặng Văn	Thanh	02/01/93		53.08		53	000.00013	9.00	7.00					16.00	16.00	8.00	05	2NT	11 PT



HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 05 Được sĩ trung cấp CQ ngoài giờ

Kèm theo Quyết định số 182/.../QĐ-CDYT Ngày 13-08-2016

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Nguyễn Thu Thảo	12/06/91	Nữ	53.04		53	000.00057	5.00	7.50					12.50	12.50	6.25	05	2NT	11 PT
5304 00000	Trần Ngọc Thiển	27/06/88	Nữ	53.05		53	000.00158	9.50	7.50					17.00	17.00	8.50	05	2NT	06 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Mỹ Thuyền	08/02/85	Nữ	53.07		53	000.00065	6.50	8.00					14.50	14.50	7.25	05	2NT	03 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	15/01/95	Nữ	53.04		53	000.00153	2.75	4.40					7.15	7.15	3.57	05	2	16 PT
5304 00000	Nguyễn Thủy Tiên	03/07/82	Nữ	53.08	06	53	000.00039	5.00	7.00					12.00	12.00	6.00	05	2NT	00 PT
5304 00000	Lê Thanh Tiển	18/05/93	Nữ	53.01		53	000.00183	9.00	8.50					17.50	17.50	8.75	05	2	11 PT
5304 00000	Trần Cao Chí Trường	15/07/93		56.02		53	000.00073	9.00	7.50					16.50	16.50	8.25	05	2	11 PT
5304 00000	Đỗ Nhật Trường	26/11/90		53.01		53	000.00097	4.00	8.50					12.50	12.50	6.25	05	2	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thanh Tuyển	29/10/88	Nữ	56.06		53	000.00074	7.00	8.50					15.50	15.50	7.75	05	2NT	06 PT
5304 00000	Phan Ngọc Tú Uyên	22/10/83	Nữ	53.01		53	000.00072	5.50	9.50					15.00	15.00	7.50	05	2	01 PT
5304 00000	Trần Thị Thu Uyên	24/05/82	Nữ	53.01		53	000.00067	6.00	8.00					14.00	14.00	7.00	05	2NT	00 PT
5304 00000	Nguyễn Quang Văn	08/11/66		53.01		53	000.00033	8.00	9.50					17.50	17.50	8.75	05	2	95 PT
5304 00000	Mai Trần Vũ	01/12/89		48.06		53	000.00179	9.50	9.50					19.00	19.00	9.50	05	2	07 PT
5304 00000	Huỳnh Thị Trúc Xinh	20/03/89	Nữ	53.05		53	000.00037	6.50	7.50					14.00	14.00	7.00	05	2NT	07 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Xứng	24/12/89	Nữ	53.06		53	000.00194	6.00	6.00					12.00	12.00	6.00	05	2NT	07 PT

Cộng ngành 05 : 41 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG 5304 : 205 THÍ SINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ